

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 18-01-2019

V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Nhân

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/HNGĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐ-PT/HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hà N, sinh năm 1991. Hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã Long Bình, huyện P, tỉnh Bình Phước. Ở hiện nay: Ấp 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn A, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Đồng Ngọc V – Luật sư của Văn phòng luật sư Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. Địa chỉ liên lạc: Khu phố 2, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Hà N trình bày:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông Trịnh Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B (cũ) nay là huyện P vào ngày 08/5/2013.

Thời kỳ đầu hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nhiều lần ông A dọa đánh bà. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông A không có trách nhiệm với gia đình. Khi mới phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng tự giải quyết được nhưng sau này mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cãi vã lớn dần, không thể giải quyết được dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, tâm lý mệt mỏi, ức chế. Khi mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng, ông A về nhà bố mẹ đẻ của ông A sống còn bà N ở nhà bố mẹ đẻ bà N sau đó lại đoàn tụ nhưng không được bao lâu vợ chồng lại mâu thuẫn, cãi vã trở lại. Vợ chồng nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ tháng 6 năm 2018, vợ chồng bà đã sống ly thân cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Văn A.

[2] *Về con chung:* Bà và ông A có một con chung là cháu Trịnh Minh L, sinh ngày 07/8/2014. Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Luân. Từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay, ông A đã đón cháu Luân về trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Luân, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trịnh Văn A trình bày:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông A thống nhất với lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, theo đó tình cảm vợ chồng không còn, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N, ông A đồng ý ly hôn.

[2] *Về con chung:* Ông và bà N có một con chung là cháu Trịnh Minh L, sinh ngày 07/8/2014. Hiện nay, cháu Luân đang chung sống cùng ông A tại thôn 2, xã Long Bình. Ông A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Theo ông A, cháu Luân đang sống ổn định, phát triển tốt. Môi trường sống bên nhà bà N không đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu Luân. Bà N chung sống cùng bố mẹ trong khi bố đẻ của bà N bị tiểu đường, bị liệt. Hai anh trai của bà N cũng đã ly hôn và cùng chung sống với bố mẹ đẻ bà N. Cả hai anh trai bà N giành quyền trực tiếp nuôi con nhưng việc trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng 03 cháu là do mẹ đẻ bà N. Vì vậy, mẹ đẻ bà N đảm nhiệm việc chăm sóc 03 cháu cùng chồng bị liệt nếu giao cháu Luân cho bà N nuôi dưỡng thì không tạo cho cháu Luân những điều kiện chăm sóc, giáo dục tốt nhất. Do đó, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Luân. Ông A không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]*Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 38/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51; 53; 56; 81; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hà N. Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Hà N được ly hôn với ông Trịnh Văn A.

[2] Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Minh L, sinh ngày 07/8/2014 cho ông Trịnh Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Luân đủ 18 tuổi. Bà N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, bà Đỗ Thị Hà N có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm phần quyết định về nuôi con chung với lý do Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao con chung cho ông Trịnh Văn A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là không phù hợp, chưa cân nhắc toàn diện, chưa xem xét đầy đủ điều kiện về kinh tế, thời gian của bà N. Bà N yêu cầu buộc ông A phải giao con chung tên Trịnh Minh L, sinh ngày 07/8/2014 cho bà N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

Các đương sự giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu của mình.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trịnh Văn A phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm, giao con chung là cháu Trịnh Minh L cho bố ruột của cháu là ông Trịnh Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Luân bởi lẽ, về bản thân bà N và ông A đều không có nhà riêng nhưng xét về hoàn cảnh và kinh tế gia đình của cha mẹ anh Nam có phần khá hơn so với gia đình cha mẹ chị N. Xét về các điều kiện như môi trường

sống, nuôi dưỡng giáo dục, đi lại của cháu Luân ở bên nội, qua xác minh của Tòa án thì thấy tốt hơn nhiều so với bên ngoại.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà N, giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 38/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước về phần nuôi con chung. Những phần khác của Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đối với quan hệ hôn nhân, nợ chung các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Đỗ Thị Hà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về phần nuôi con chung.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà N về phần nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ các tài liệu, lời khai của bà N và ông A thì hiện nay bà N, ông A đều đang ở chung nhà với bố mẹ đẻ; đều có việc làm, có thu nhập, đủ điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con và không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền nuôi con. Tuy nhiên xét về công việc, thời gian chăm sóc con và điều kiện môi trường học tập cho cháu Luân thì ông A mặc dù hiện có Hộ khẩu thường trú tại nhà bố mẹ đẻ ở Thôn 2, xã Long Bình, huyện P, tỉnh Bình Phước nhưng do đang làm việc cho Công ty Thái Gia Hưng có trụ sở tại thành phố Đồng Xoài nên ông A không thường xuyên ở nhà, cháu Luân được giao cho ông bà nội thường xuyên chăm sóc. Trong khi đó bà N làm rẫy và trông coi rẫy điều tại Ấp 6, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, có thời gian ở nhà, đồng thời thời gian từ tháng 7/2018 trở về trước cháu Luân đang sống cùng mẹ là bà N, được chăm sóc phát triển tốt về tinh thần và thể chất. Theo xác minh tại địa phương thì gần nhà bố mẹ đẻ của bà N có trường mẫu giáo và trường tiểu học, khoảng cách từ nhà đến trường mẫu giáo khoảng hơn 1 cây số, thuận tiện cho việc đưa đón cháu Luân đi học. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Luân và xét thấy với độ tuổi của cháu Luân hiện nay thì việc có mẹ chăm sóc, dạy dỗ nuôi nấng là rất

quan trọng, ảnh hưởng đến việc hình thành tính cách, tình cảm của cháu nên giao cháu Luân cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết, phù hợp. Do đó, kháng cáo của bà N về phần này là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà N không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do kháng cáo của bà N được chấp nhận vì vậy cần phải sửa án sơ thẩm số 38/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước theo hướng giao con chung là cháu Trịnh Minh L, sinh ngày 07/8/2014 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] Về án phí:

+ Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Đỗ Thị Hà N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không phù hợp bởi lẽ khi xem xét giao quyền nuôi con cần căn cứ vào điều kiện, tinh thần, giáo dục mà bố hoặc mẹ mang lại cho con cuộc sống tốt hơn, chứ không phải dựa vào điều kiện kinh tế của ông bà nội hoặc ông bà ngoại để làm căn cứ xem xét. Do đó quan điểm của người đại diện theo ủy quyền là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hà N.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 38/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình 2014

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Hà N,

Tuyên xử:

Giao con chung là cháu Trịnh Minh L, sinh ngày 07/8/2014 cho bà Đỗ Thị Hà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Luân trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Trịnh Văn A được quyền thăm nom cháu Luân, không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của cháu Trịnh Minh L, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2] Án phí hôn nhân gia đình:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Đỗ Thị Hà N phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: bà Đỗ Thị Hà N không phải chịu.

[3] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, T.GĐ&NCTN
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bình